



Ngày nhận bài: 06/10/2026; Ngày thẩm định: 19/10/2026; Ngày duyệt đăng: 23/10/2026.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

Thiếu tá, ThS HÀ THỊ HUỆ

Khoa Luật, Học viện Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ

Thiếu tá DƯƠNG QUỐC ĐẠT

Viện Khoa học Cảnh sát, Học viện Cảnh sát Nhân dân

*Tác giả liên hệ: Hà Thị Huệ (Email: Hue.ha.731@gmail.com)

Tóm tắt: Bài viết trình bày nội dung nguyên tắc suy đoán vô tội quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025). Đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế của việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc này đáp ứng yêu thực tiễn công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời gian tới.

Từ khóa: suy đoán vô tội, người bị buộc tội.

Abstract: The article discusses the principles of the presumption of innocence as stipulated in the Criminal Procedure Law of 2015 (amended and supplemented in 2021 and 2025). It evaluates the achievements and existing limitations in applying this principle in handling criminal cases. Based on this, it proposes several solutions to enhance the effective application of this principle to meet the practical needs of crime prevention and suppression in the future.

Keywords: presumption of innocence, the accused person.

1. Nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất của hoạt động tố tụng hình sự. Việc ghi nhận nguyên tắc này trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025) (sau đây viết tắt là Bộ luật Tố tụng hình sự) đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự ở Việt Nam, thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013. Nguyên tắc suy đoán vô tội không chỉ bảo đảm tính khách quan, công bằng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự mà còn góp phần hạn chế oan sai, bảo vệ danh dự, nhân phẩm và các quyền hợp pháp của người bị buộc tội. Việc nghiên cứu nguyên tắc này có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay.

2. Về cơ sở pháp lý: Nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng như: Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR); Công ước Châu Âu về quyền con người. Theo Điều 11 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948: “Mọi người bị buộc tội hình sự đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội theo pháp luật tại một phiên tòa công khai...”.

Ở Việt Nam, nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại Điều 31 Hiến pháp năm 2013: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”, tại Điều 13

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự và bảo vệ quyền con người ở Việt Nam.

***Nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội**

Thứ nhất, người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Một người chỉ bị coi là có tội khi có đầy đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và được Tòa án tuyên bằng bản án đã có hiệu lực. Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử và kết tội một người, không một cá nhân, cơ quan, tổ chức nào có thể phán quyết một người phạm tội, kể cả cơ quan điều tra, truy tố. Trước thời điểm đó, mọi cá nhân đều được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm và các quyền cơ bản khác. Không được truy cứu trách nhiệm hình sự và kết án người không có lỗi.

Thứ hai, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng. Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án có nghĩa vụ thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội. Người bị buộc tội có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải chứng minh mình vô tội. Trách nhiệm chứng minh tính có lỗi của người bị truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không được chuyển nghĩa vụ chứng minh không có tội cho người bị buộc tội. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải quan tâm, tạo điều kiện cho người bị buộc tội trong việc đưa ra chứng cứ, yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án để chứng minh họ không có tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Người bị buộc tội có quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội (các Điều 58 - Điều 61).

Thứ ba, mọi nghi ngờ phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội. Trong trường hợp không đủ căn cứ để buộc tội hoặc còn tồn tại nghi ngờ chưa được làm rõ, cơ quan tiến hành tố tụng phải giải thích theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo. Nguyên tắc này góp phần hạn chế oan sai và bảo đảm tính khách quan trong hoạt động xét xử.

Thứ tư, nghiêm cấm việc thu thập chứng cứ từ người bị truy cứu trách nhiệm hình sự và từ những người tham gia tố tụng bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc bằng các biện pháp bất hợp pháp khác. Việc người bị truy cứu trách nhiệm hình sự thừa nhận lỗi của mình trở thành một trong những cơ sở buộc tội chỉ khi tổng thể tất cả các chứng cứ có trong vụ án khẳng định điều đó. Lời nhận tội của người bị buộc tội chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của người bị buộc tội làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội (Điều 98).

Thứ năm, mọi tình tiết của vụ án cần phải được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện và khách quan. Các tình tiết buộc tội và gỡ tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đều phải được làm sáng tỏ trong quá trình giải quyết vụ án. Việc kết tội một người phải dựa trên những chứng cứ xác thực đã được kiểm tra, xác minh công khai tại phiên toà và không còn bất cứ sự nghi ngờ nào. Mọi sự nghi ngờ không chứng minh được theo trình tự, thủ tục luật định phải được xử lý theo hướng có lợi cho người bị buộc tội. Khi không đủ căn cứ chứng minh tội phạm theo trình tự, thủ tục luật định thì phải kết luận người bị buộc tội không có tội, các quyền và lợi ích hợp pháp của họ phải được khôi phục theo quy định của pháp luật.

***Ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội**

Nguyên tắc suy đoán vô tội đảm bảo cho việc chứng minh tội phạm được chính xác, kịp thời, khách quan, bảo vệ quyền tự do, danh dự và nhân phẩm của người bị buộc tội bảo vệ công lý, công bằng và tránh được oan sai trong giải quyết vụ án hình sự. Việc yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh tội phạm giúp nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và giảm thiểu các trường hợp kết án thiếu căn cứ.

Bảo đảm tính khách quan và công bằng của hoạt động xét xử. Nguyên tắc này buộc các cơ quan tố tụng phải tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật, đánh giá chứng cứ khách quan và không định kiến đối với người bị buộc tội. Trách nhiệm hình sự là chế tài cao nhất áp dụng với những cá nhân, pháp nhân có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, vì vậy nếu sự thật của vụ án bị che lấp bởi những định kiến, suy nghĩ cảm tính, chủ quan của những người tiến hành tố tụng thì thiệt hại đối với người bị kết tội oan là rất lớn. Thể hiện tính dân chủ và văn minh của Nhà nước pháp quyền. Một nền tư pháp tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội là nền tư pháp đặt quyền con người làm trung tâm và đề cao công lý.

Bên cạnh đó, nguyên tắc suy đoán vô tội thể hiện tính nhân đạo trong tố tụng hình sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội với vị thế trong quan hệ với Nhà nước cùng các cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện bằng quyền lực nhà nước, tạo ra một hành lang pháp lý trong việc điều chỉnh các quan hệ giữa các chủ thể tố tụng, duy trì trật tự và tạo điều kiện cho việc phát huy, bảo đảm các quyền cá nhân, sự công bằng, khách quan trong giải quyết vụ án hình sự.

**Thực tiễn áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội ở Việt Nam*

Trong những năm gần đây, việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Quyền bào chữa của người bị buộc tội ngày càng được bảo đảm; hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được chú trọng hơn; nhiều vụ án oan đã được xem xét và minh oan.

Thứ nhất, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện. Việc ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội trong Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là bước tiến quan trọng trong tư duy lập pháp ở Việt Nam. So với các quy định trước đây, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã: Khẳng định rõ người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật; quy định trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng; xác định khi không đủ căn cứ buộc tội thì phải kết luận người bị buộc tội không có tội. Những quy định này

đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự.

Thứ hai, nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng được nâng cao. Trong thực tiễn, nhận thức của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án về nguyên tắc suy đoán vô tội ngày càng được cải thiện. Nhiều vụ án đã được giải quyết theo hướng: Tăng cường thu thập chứng cứ khách quan; hạn chế việc kết tội chỉ dựa vào lời nhận tội của bị can, bị cáo; chú trọng tranh tụng tại phiên tòa; đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Các cơ quan tố tụng ngày càng quan tâm hơn đến việc bảo đảm quyền con người, tránh làm oan người vô tội.

Thứ ba, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được tăng cường. Luật sư được tạo điều kiện tham gia tố tụng sớm hơn; việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa dân chủ hơn; Tòa án chú trọng đánh giá chứng cứ công khai... Công tác giám đốc thẩm, tái thẩm được chú trọng hơn nhằm khắc phục sai lầm của quá trình tố tụng.

Thứ tư, trong thời gian qua, nhiều vụ án oan đã được phát hiện, xem xét lại và bồi thường cho người bị kết án oan. Đây là minh chứng cho việc Nhà nước ngày càng chú trọng bảo vệ quyền con người và bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội, một số vụ án oan như: vụ ông Nguyễn Thanh Chấn; vụ ông Đỗ Văn Hùng....

Bên cạnh những kết quả đạt được, trên thực tế việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự còn mâu thuẫn; tư duy “suy đoán có tội” vẫn còn ở một số người tiến hành tố tụng; việc đánh giá chứng cứ đôi khi còn mang tính chủ quan; áp lực phá án dẫn đến nguy cơ bức cung, nhục hình; một số trường hợp truyền thông đưa tin theo hướng kết tội trước khi có bản án của Tòa án, cụ thể:

Một là, tại Khoản 3, Điều 466, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định người bị buộc tội có thể bị xử lý về hành vi “từ chối khai báo hoặc từ chối cung cấp tài liệu, đồ vật” mặc dù nguyên tắc suy đoán vô tội đã ghi nhận quyền im lặng của người bị buộc tội. Quy định này mâu thuẫn với quyền không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc chứng minh mình vô tội của người bị buộc tội.

Hai là, tư duy “suy đoán có tội” vẫn còn tồn tại. Trong thực tế, ở một số vụ án: Cơ quan điều tra thường bị áp lực mục tiêu chứng minh tội phạm, bị can dễ bị nhìn nhận là “đã có tội” ngay từ giai đoạn điều tra. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng còn chú trọng vào các tình tiết buộc tội, không đứng trên phương diện của người bị buộc tội nên việc thu thập tài liệu và chứng cứ gỡ tội còn chưa toàn diện. Quá trình thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố và xét xử lúc chưa thực hiện hết các nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội dẫn đến việc giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong các giai đoạn tố tụng, thiếu thống nhất về nhận thức dẫn đến việc các cơ quan tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Ba là, vẫn còn một số trường hợp giải quyết vụ án hình sự không tuân thủ nguyên tắc khi thu thập chứng cứ, tài liệu, hoạt động bức cung, nhục hình, ép cung vẫn còn tồn tại. Một số vụ án kéo dài nhiều năm mới được minh oan, gây thiệt hại lớn về tinh thần, danh dự kinh tế, gia đình người bị kết án oan.

Bốn là, ảnh hưởng của truyền thông và dư luận xã hội. Một số vụ án được đưa tin theo hướng khẳng định tội trước khi xét xử. Việc công khai hình ảnh người bị bắt, bị khởi tố dễ làm dư luận mặc nhiên coi họ là có tội, ảnh hưởng đến nguyên tắc suy đoán vô tội.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên là do những thiếu sót trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ, việc thu thập chứng cứ không kịp thời, đầy đủ dẫn đến chứng cứ, tài liệu bị mất, hư hỏng, không thể phục hồi lại được làm ảnh hưởng đến kết quả điều tra, truy tố xét xử. Một số hồ sơ vụ án cho thấy có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như biên bản ghi lời khai sơ sài, bị tẩy xóa, sửa chữa, thiếu khách quan dẫn đến khiếu kiện về điều tra, thu thập chứng cứ và phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, làm kéo dài việc giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Bên cạnh đó, tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, với quy mô, tính chất và thủ đoạn ngày càng tinh vi, nguy hiểm, gây hậu quả nghiêm trọng trong khi trình độ pháp luật và năng lực nghiệp vụ của chủ thể tiến hành tố tụng còn chưa thật sự đồng đều.

3. Mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự đã có quy định rõ ràng, việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tiễn còn gặp nhiều thách thức. Để nâng cao hiệu quả công tác áp dụng nguyên tắc này cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện pháp luật liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội như: Xem xét quy định tại Khoản 3, Điều 466, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để phù hợp với nguyên tắc suy đoán vô tội quy định tại Điều 13. Tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về các nguyên tắc liên quan mật thiết với nguyên tắc suy đoán vô tội như nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, quyền được bào chữa của bị can, bị cáo. Quy định cụ thể hơn về loại trừ chứng cứ thu thập trái pháp luật, trách nhiệm chứng minh, cơ chế bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của người tiến hành tố tụng; tăng cường đào tạo kỹ năng điều tra, đánh giá chứng cứ, đạo đức nghề nghiệp, tư duy bảo vệ quyền con người. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân chính là những người có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội. Vì vậy, để nguyên tắc này được thực hiện trên thực tế cần phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Thứ ba, tăng cường tranh tụng tại phiên tòa. Bảo đảm sự bình đẳng giữa kiểm sát viên, luật sư, người bào chữa. Không sử dụng chứng cứ chưa được nghiên cứu, kiểm tra, xác minh để làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội. Khi sử dụng chứng cứ không được chủ quan duy ý chí, coi trọng chứng cứ này hơn chứng cứ khác, không chỉ sử dụng chứng cứ buộc tội mà cần sử dụng chứng cứ gỡ tội, không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội.

Thứ tư, tăng cường giám sát hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Xử lý nghiêm các hành vi bức cung, nhục hình, làm sai lệch hồ sơ vụ án. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không được định kiến, thiên lệch khi giải quyết vụ án. Mọi quyền con người

của người bị buộc tội phải được tôn trọng ngay cả khi bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế, ngăn chặn, người bị buộc tội chỉ bị hạn chế một phần quyền con người trong giới hạn luật định.

Thứ năm, nâng cao nhận thức pháp luật của người dân và cơ quan truyền thông. Để nguyên tắc suy đoán vô tội được đi vào đời sống cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của người dân về quyền được suy đoán vô tội. Người bị buộc tội cần hiểu rõ nguyên tắc suy đoán vô tội, đặc biệt là trách nhiệm chứng minh và quyền im lặng để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Cơ quan truyền thông, báo chí cần đưa tin khách quan, tránh suy diễn thiếu căn cứ, kết luận thay Tòa án. Tôn trọng danh dự và quyền nhân thân của người bị buộc tội.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Đào tạo, Bộ Công an (2023), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt*, Nxb Lao động, Hà Nội.
2. Ngô Ngọc Diễm, Đỗ Thị Hà (2025), *Bàn về nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Điện tử Luật sư Việt Nam.
3. Lã Xuân Lự, Nguyễn Kiên Cường (2023), *Giáo trình Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2025), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)*, Hà Nội.
5. <https://baochinhphu.vn/toa-toi-cao-cong-khai-xin-loi-ong-nguyen-thanh-chan>.
6. <https://cadn.com.vn/co-quan-to-tung-tinh-dak-nong-cong-khai-xin-loi-nguoi-mang-an-oan>.